

Số: 625/QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày 12 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả học tập cho học sinh
khối trung cấp K59 tại cơ sở học kỳ I năm 2022 (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-CĐSL ngày 05/11/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp nhóm ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-CĐSL ngày 27/4/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Biên bản số 87/BB-CĐSL ngày 09/9/2022 của Hội đồng xét công nhận kết quả học tập học kỳ I cho học sinh khối trung cấp K59 tại cơ sở (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập học kỳ I cho 551 học sinh khối Trung cấp K59 tại cơ sở năm 2022 (đợt 1) của trường Cao đẳng Sơn La (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Công tác học sinh sinh viên; các khoa của trường Cao đẳng Sơn La và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Minh

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ I
KHỐI TRUNG CẤP K59 TẠI CƠ SỞ (ĐỢT 1) NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo quyết định số: 625/QĐ- CĐSL ngày 12 háng 09 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
1	1359562020	Lù Văn Anh	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,22	Trung bình	
2	1359562005	Hoàng Văn Cường	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,33	Trung bình	
3	1359562027	Là Văn Cường	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3	Khá	
4	1359562025	Lò Văn Định	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3,22	Giỏi	
5	1359562007	Tần Văn Đông	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
6	1359562024	Lò Văn Hải	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,11	Trung bình	
7	1359562032	Đinh Đức Hiếu	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	1,78	Yếu	
8	1359562012	Lò Văn Hoàn	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
9	1359562029	Lù Văn Hoàng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3	Khá	
10	1359562009	Tòng Văn Hưng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,22	Trung bình	
11	1359562019	Lò Văn Khánh	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
12	1359562015	Mê Duy Khánh	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,44	Trung bình	
13	1359562030	Lò Văn Lý	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,44	Trung bình	
14	1359562023	Cà Văn Mến	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	1,89	Yếu	
15	1359562013	Bạc Cẩm Minh	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
16	1359562008	Lò Văn Mừng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,11	Trung bình	
17	1359562001	Vừ Thị My	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,33	Trung bình	
18	1359562010	Là Văn Quang	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3,44	Giỏi	
19	1359562014	Lù Văn Quyền	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,33	Trung bình	
20	1359562011	Hoàng Văn Sơn	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3,22	Giỏi	
21	1359562031	Lò Văn Thắng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	1,89	Yếu	
22	1359562026	Là Văn Thành	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,11	Trung bình	
23	1359562002	Lò Văn Thành	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	3	Khá	
24	1359562017	Lù Văn Thương	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,11	Trung bình	
25	1359562016	Lù Văn Tiến	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
26	1359562003	Cầm Văn Tùng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,78	Khá	
27	1359562004	Lù Văn Tùng	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,56	Khá	
28	1359562018	Lù Văn Tuyển	TC Chăn nuôi thú y K59A - QN	2,67	Khá	
29	1359562066	Vì Văn Anh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,22	Trung bình	
30	1359562043	Sộng A Cho	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,44	Trung bình	
31	1359562061	Vạ Bả Chư	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,44	Trung bình	
32	1359562036	Vàng Thị Cu	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3,33	Giỏi	
33	1359562065	Thào A Dệnh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,44	Trung bình	
34	1359562064	Và A Di	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,22	Trung bình	
35	1359562052	Giàng Thị Dính	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
36	1359562063	Hờ Thị Ca Dừa	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3	Khá	
37	1359562035	Sùng Thị Dung	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	1,11	Yếu	
38	1359562057	Lò Văn Hiệp	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
39	1359562059	Quàng Đại Hiệp	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
40	1359562062	Giàng A Mạnh Hoa	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,67	Khá	
41	1359562033	Vàng Thị Hoa	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,44	Trung bình	
42	1359562050	Lành Văn Hoàng	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
43	1359562068	Châu A Hụ	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
44	1359562039	Lường Văn Huy	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,44	Trung bình	
45	1359562056	Hà Hoàng Huỳnh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3,44	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
46	1359562040	Vàng Thị Ka	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
47	1359562060	Lò Văn Khải	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	1,33	Yếu	
48	1359562034	Giàng Quốc Khánh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,78	Khá	
49	1359562053	Lò Thị Khoa	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	1,44	Yếu	
50	1359562069	Hoàng Xuân Lập	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,22	Trung bình	
51	1359562041	Vừ A Ly	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
52	1359562055	Cầm Văn Mạnh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
53	1359562067	Sông Thị Mo	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3	Khá	
54	1359562038	Lò Văn Nguyên	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
55	1359562046	Lường Quang Ninh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,33	Trung bình	
56	1359562044	Vàng Thị Sinh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,22	Trung bình	
57	1359562058	Hồ A Sênh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3,22	Giỏi	
58	1359562054	Vàng A So	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3	Khá	
59	1359562049	Ly A Thánh	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,78	Khá	
60	1359562048	Vừ A Thành	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,78	Khá	
61	1359562051	Lò Bách Thao	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,33	Trung bình	
62	1359562037	Quảng Huy Tuấn	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	3	Khá	
63	1359562047	Hồ A Vi	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,89	Khá	
64	1359562042	Thào A Vừ	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	2,33	Trung bình	
65	1359562045	Thào Thị Xía	TC Chăn nuôi thú y K59B - SM	1,44	Yếu	
66	1359709019	Mùa Sơn Bá	TC Công tác XH K59A - YC	2,09	Trung bình	
67	1359709026	Mùa Thị Bảy	TC Công tác XH K59A - YC	2,64	Khá	
68	1359709020	Lò Thị Bích	TC Công tác XH K59A - YC	2	Trung bình	
69	1359709022	Mê Thị Ngọc Bích	TC Công tác XH K59A - YC	2,64	Khá	
70	1359709013	Vũ Đức Cảnh	TC Công tác XH K59A - YC	2,36	Trung bình	
71	1359709021	Hoàng Văn Đạt	TC Công tác XH K59A - YC	2,18	Trung bình	
72	1359709018	Quảng Văn Đạt	TC Công tác XH K59A - YC	2,27	Trung bình	
73	1359709029	Mùa Thị Dế	TC Công tác XH K59A - YC	2,64	Khá	
74	1359709027	Vàng A Dénh	TC Công tác XH K59A - YC	2,27	Trung bình	
75	1359709006	Hà Ngọc Diệp	TC Công tác XH K59A - YC	2,09	Trung bình	
76	1359709003	Lừ Khánh Duy	TC Công tác XH K59A - YC	2,91	Khá	
77	1359709024	Quảng Văn Giang	TC Công tác XH K59A - YC	2,27	Trung bình	
78	1359709025	Sông Lao Giàng	TC Công tác XH K59A - YC	2,18	Trung bình	
79	1359709031	Lò Minh Hiếu	TC Công tác XH K59A - YC	1,91	Yếu	
80	1359709032	Nguyễn Hà Hiếu	TC Công tác XH K59A - YC	2,18	Trung bình	
81	1359709010	Hoàng Thị Hồng	TC Công tác XH K59A - YC	2	Trung bình	
82	1359709030	Vì Văn Ka	TC Công tác XH K59A - YC	1,82	Yếu	
83	1359709016	Vàng Thị Kiếp	TC Công tác XH K59A - YC	2,82	Khá	
84	1359709004	Vì Văn Lập	TC Công tác XH K59A - YC	2,73	Khá	
85	1359709035	Nguyễn Ngọc Linh	TC Công tác XH K59A - YC	2,82	Khá	
86	1359709011	Quảng Văn Long	TC Công tác XH K59A - YC	2,64	Khá	
87	1359709007	Lừ Thị My	TC Công tác XH K59A - YC	1,82	Yếu	
88	1359709015	Hoàng Thị Nhung	TC Công tác XH K59A - YC	2,09	Trung bình	
89	1359709012	Sông Thị Pạng	TC Công tác XH K59A - YC	2,55	Khá	
90	1359709008	Quảng Thị Thảo	TC Công tác XH K59A - YC	2,82	Khá	
91	1359709009	Lò Huy Thiệp	TC Công tác XH K59A - YC	1,64	Yếu	
92	1359709005	Lò Thị Minh Thu	TC Công tác XH K59A - YC	2,18	Trung bình	
93	1359709034	Hoàng Anh Tuấn	TC Công tác XH K59A - YC	2,27	Trung bình	
94	1359709023	Sông A Vàng	TC Công tác XH K59A - YC	2	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
95	1359709053	Lường Văn Bắc	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
96	1359709054	Lò Văn Bình	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
97	1359709070	Lò Thị Châu	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
98	1359709036	Giàng Thị Chua	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
99	1359709061	Hồ A Chung	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
100	1359709049	Sộng A Công	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
101	1359709038	Lò Văn Cường	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
102	1359709069	Vừ A Dát	TC Công tác XH K59B - SC	1,91	Yếu	
103	1359709042	Thào Thị Dia	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
104	1359709041	Mùa A Dơ	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
105	1359709048	Lò Văn Duy	TC Công tác XH K59B - SC	2,18	Trung bình	
106	1359709062	Sộng A Hạnh	TC Công tác XH K59B - SC	2,09	Trung bình	
107	1359709055	Lò Văn Hoàng	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
108	1359709056	Đèo Văn Hồng	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
109	1359709064	Tòng Văn Khải	TC Công tác XH K59B - SC	2,09	Trung bình	
110	1359709044	Giàng A Kinh	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
111	1359709068	Giàng A Lia	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
112	1359709052	Đèo Văn Long	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
113	1359709057	Tòng Văn Luật	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
114	1359709047	Lường Văn Minh	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
115	1359709058	Ly Bà Nênh	TC Công tác XH K59B - SC	3,18	Khá	
116	1359709040	Vừ Thị Nênh	TC Công tác XH K59B - SC	3,18	Khá	
117	1359709059	Vàng Thị Nênh	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
118	1359709043	Lò Văn Ngọc	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
119	1359709065	Sông A Phành	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
120	1359709045	Ly Công Phình	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
121	1359709050	Cà Văn Quyền	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
122	1359709051	Giàng Thị Sía	TC Công tác XH K59B - SC	3	Khá	
123	1359709039	Vừ Thị Sur	TC Công tác XH K59B - SC	3,36	Giỏi	
124	1359709046	Lò Văn Thương	TC Công tác XH K59B - SC	2,27	Trung bình	
125	1359709066	Lường Văn Trọng	TC Công tác XH K59B - SC	2,45	Trung bình	
126	1359709037	Sông A Vàng	TC Công tác XH K59B - SC	2,64	Khá	
127	1359709060	Lường Thị Xuân	TC Công tác XH K59B - SC	2,82	Khá	
128	1359714012	Bàn Thị Châu Anh	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
129	1359714033	Vàng A Chú	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
130	1359714031	Thào Thị Chua	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,18	Khá	
131	1359714027	Tênh A Cua	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,91	Khá	
132	1359714023	Mùi Văn Đại	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
133	1359714018	Đặng Văn Đoàn	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,64	Khá	
134	1359714022	Đinh Văn Du	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,55	Khá	
135	1359714014	Đinh Văn Dụ	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,45	Trung bình	
136	1359714020	Đinh Công Hoa	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	1,82	Yếu	
137	1359714001	Đinh Thị Huyền	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,18	Khá	
138	1359714034	Lìa Trọng Lớ	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,64	Khá	
139	1359714005	Vàng Thị Ly	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,18	Khá	
140	1359714030	Bàn Đức Mạnh	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,36	Trung bình	
141	1359714026	Giàng A Chờ Mong	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
142	1359714028	Lý Trọng Nghĩa	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,82	Khá	
143	1359714002	Đinh Thế Nhất	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
144	1359714010	Thào Thị Nu	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,18	Khá	
145	1359714017	Thào A Phong	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,82	Khá	
146	1359714032	Mùi Văn Phước	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	1,27	Yếu	
147	1359714025	Giảng A Sang	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
148	1359714035	Bùi Hồng Sơn	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,18	Khá	
149	1359714011	Đặng Trường Sơn	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,27	Trung bình	
150	1359714008	Mùi Văn Tâm	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2	Trung bình	
151	1359714021	Mùi Văn Thắng	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,73	Khá	
152	1359714004	Đặng Văn Thành	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,82	Khá	
153	1359714003	Vì Thu Thiên	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,36	Giỏi	
154	1359714009	Bàn Thị Tiên	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3	Khá	
155	1359714006	Đinh Quỳnh Trang	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	3,09	Khá	
156	1359714013	Mùi Văn Trường	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,18	Trung bình	
157	1359714029	Đinh Văn Tư	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	2,45	Trung bình	
158	1359714007	Đinh Văn Ý	TC Hướng dẫn DL K59A - MC	1,82	Yếu	
159	1359702028	Đinh Tuấn Anh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
160	1359702003	Đinh Thanh Cảnh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,14	Trung bình	
161	1359702002	Vì Tiến Dũng	TC Kế toán DN K59A - PY	2,64	Khá	
162	1359702029	Sông A Giảng	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
163	1359702025	Phùng Quang Hào	TC Kế toán DN K59A - PY	2,43	Trung bình	
164	1359702031	Phùng Văn Hậu	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
165	1359702030	Đinh Đức Hoài	TC Kế toán DN K59A - PY	2,64	Khá	
166	1359702034	Phùng Khắc Hoan	TC Kế toán DN K59A - PY	2,79	Khá	
167	1359702020	Đinh Văn Hùng	TC Kế toán DN K59A - PY	2,36	Trung bình	
168	1359702023	Hà Ngọc Huy	TC Kế toán DN K59A - PY	2,79	Khá	
169	1359702032	Đinh Quốc Khánh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
170	1359702008	Cầm Thanh Lịch	TC Kế toán DN K59A - PY	2,5	Khá	
171	1359702013	Giảng A Long	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
172	1359702012	Đinh Đức Minh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,43	Trung bình	
173	1359702007	Lò Văn Nhật	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
174	1359702011	Hà Huy Phong	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
175	1359702001	Hà Minh Quyến	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
176	1359702022	Giảng A Sánh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,64	Khá	
177	1359702033	Thào A Sênh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,57	Khá	
178	1359702024	Hà Thái Sơn	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
179	1359702019	Đinh Văn Thịnh	TC Kế toán DN K59A - PY	2,29	Trung bình	
180	1359702006	Phùng Thị Thu	TC Kế toán DN K59A - PY	2,79	Khá	
181	1359702014	Đinh Xuân Thúc	TC Kế toán DN K59A - PY	2,43	Trung bình	
182	1359702005	Hà Văn Thương	TC Kế toán DN K59A - PY	2	Trung bình	
183	1359702004	Hà Thu Thủy	TC Kế toán DN K59A - PY	2,79	Khá	
184	1359702010	Lường Văn Tiệp	TC Kế toán DN K59A - PY	2,71	Khá	
185	1359702021	Sa Văn Toán	TC Kế toán DN K59A - PY	2,43	Trung bình	
186	1359702009	Đinh Tuyết Trinh	TC Kế toán DN K59A - PY	3,07	Khá	
187	1359702016	Đinh Quốc Trường	TC Kế toán DN K59A - PY	2,5	Khá	
188	1359702017	Hoàng Văn Tuấn	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
189	1359702026	Vì Anh Tuấn	TC Kế toán DN K59A - PY	2,93	Khá	
190	1359702027	Nguyễn Đình Văn	TC Kế toán DN K59A - PY	2,79	Khá	
191	1359702018	Hà Quốc Vương	TC Kế toán DN K59A - PY	2,43	Trung bình	
192	1359702015	Sa Thị Xuyên	TC Kế toán DN K59A - PY	2,86	Khá	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
193	1359702035	Nguyễn Bình Yên	TC Kế toán DN K59A - PY	2,21	Trung bình	
194	1359702044	Hoàng Ngọc Anh	TC Kế toán DN K59B - BY	2,21	Trung bình	
195	1359702068	Lò Thị Ngọc Ánh	TC Kế toán DN K59B - BY	3,14	Khá	
196	1359702046	Đinh Văn Bằng	TC Kế toán DN K59B - BY	2,07	Trung bình	
197	1359702051	Thào Thị Chư	TC Kế toán DN K59B - BY	2,57	Khá	
198	1359702041	Giàng A Dia	TC Kế toán DN K59B - BY	2,14	Trung bình	
199	1359702050	Lò Văn Dũng	TC Kế toán DN K59B - BY	2,5	Khá	
200	1359702067	Hà Trung Hiếu	TC Kế toán DN K59B - BY	2,29	Trung bình	
201	1359702036	Giàng A Hờ	TC Kế toán DN K59B - BY	2,5	Khá	
202	1359702052	Đinh Thị Thanh Kiều	TC Kế toán DN K59B - BY	2,93	Khá	
203	1359702038	Đinh Thị Lệ Mi	TC Kế toán DN K59B - BY	2,93	Khá	
204	1359702058	Đinh Văn Nguyên	TC Kế toán DN K59B - BY	2,43	Trung bình	
205	1359702040	Đinh Thị Hoàng Nhiệt	TC Kế toán DN K59B - BY	2,93	Khá	
206	1359702063	Hạng Páo Phàng	TC Kế toán DN K59B - BY	2,71	Khá	
207	1359702053	Đinh Văn Quyền	TC Kế toán DN K59B - BY	1,93	Yếu	
208	1359702055	Mùa A Sênh	TC Kế toán DN K59B - BY	2,71	Khá	
209	1359702047	Hờ A Súa	TC Kế toán DN K59B - BY	2,5	Khá	
210	1359702039	Giàng A Văn Thư	TC Kế toán DN K59B - BY	2,43	Trung bình	
211	1359702064	Đinh Anh Thuật	TC Kế toán DN K59B - BY	2,57	Khá	
212	1359702069	Mùi Huyền Thực	TC Kế toán DN K59B - BY	2,86	Khá	
213	1359702059	Lường Tiến Tinh	TC Kế toán DN K59B - BY	2,43	Trung bình	
214	1359702060	Mùa Giang Tông	TC Kế toán DN K59B - BY	2,29	Trung bình	
215	1359702065	Đinh Văn Trí	TC Kế toán DN K59B - BY	2,64	Khá	
216	1359702061	Mùa A Trư	TC Kế toán DN K59B - BY	2,71	Khá	
217	1359702057	Đinh Quan Trường	TC Kế toán DN K59B - BY	2,5	Khá	
218	1359702048	Đinh Anh Tuấn	TC Kế toán DN K59B - BY	2,5	Khá	
219	1359702062	Đinh Đình Vĩ	TC Kế toán DN K59B - BY	2	Trung bình	
220	1359718007	Cầm Thị Như Anh	TC Lâm sinh K59A - MS	2,78	Khá	
221	1359718026	Đieu Văn Chung	TC Lâm sinh K59A - MS	1,89	Yếu	
222	1359718032	Lò Văn Chương	TC Lâm sinh K59A - MS	2,56	Khá	
223	1359718021	Tòng Duy Điệp	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
224	1359718031	Đieu Đức Đô	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
225	1359718029	Đieu Văn Đoàn	TC Lâm sinh K59A - MS	2	Trung bình	
226	1359718033	Tòng Văn Tiến Dũng	TC Lâm sinh K59A - MS	2,44	Trung bình	
227	1359718018	Đặng Phan Duy	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
228	1359718015	Tòng Văn Duy	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
229	1359718009	Lò Văn Hòa	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
230	1359718002	Lường Thị Hòa	TC Lâm sinh K59A - MS	2,78	Khá	
231	1359718034	Lò Minh Huân	TC Lâm sinh K59A - MS	2,22	Trung bình	
232	1359718024	Lò Hải Hưng	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
233	1359718012	Lò Quốc Khánh	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
234	1359718022	Lò Văn Khánh	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
235	1359718010	Tòng Văn Khoa	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
236	1359718030	Luyện Anh Khôi	TC Lâm sinh K59A - MS	3,11	Khá	
237	1359718025	Tòng Văn Kiên	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
238	1359718006	Hà Quốc Lâm	TC Lâm sinh K59A - MS	2,22	Trung bình	
239	1359718019	Nguyễn Đức Lâm	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
240	1359718004	Tòng Nhất Long	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
241	1359718016	Lừ Văn Lý	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
242	1359718013	Vì Công Minh	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
243	1359718027	Vũ Hải Minh	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
244	1359718001	Hoàng Vũ Bảo Nhi	TC Lâm sinh K59A - MS	3,22	Giỏi	
245	1359718014	Lò Văn Quốc	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
246	1359718005	Lò Tử Quyền	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
247	1359718028	Vì Ngọc Thanh	TC Lâm sinh K59A - MS	2,22	Trung bình	
248	1359718003	Lò Tiến Thành	TC Lâm sinh K59A - MS	2,67	Khá	
249	1359718017	Lường Văn Trường	TC Lâm sinh K59A - MS	2,44	Trung bình	
250	1359718011	Lò Văn Trường	TC Lâm sinh K59A - MS	2,33	Trung bình	
251	1359718008	Điền Chính Tuấn	TC Lâm sinh K59A - MS	2,22	Trung bình	
252	1359718023	Hoàng Văn Tuấn	TC Lâm sinh K59A - MS	2,78	Khá	
253	1359718020	Phạm Hoàng Việt	TC Lâm sinh K59A - MS	0,22	Yếu	
254	1359718055	Ly A Chênh	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
255	1359718044	Lò Mạnh Đạt	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
256	1359718057	Giàng A Đông	TC Lâm sinh K59B - ML	0,78	Yếu	
257	1359718060	Lò Văn Dương	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
258	1359718038	Giàng A Hộ	TC Lâm sinh K59B - ML	0,78	Yếu	
259	1359718039	Vàng Thị Hoi	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
260	1359718053	Vàng A Hụ	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
261	1359718069	Lò Văn Huy	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
262	1359718064	Lường Văn Inh	TC Lâm sinh K59B - ML	2,22	Trung bình	
263	1359718036	Sùng A Khu	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
264	1359718054	Lò Văn Lập	TC Lâm sinh K59B - ML	2,44	Trung bình	
265	1359718063	Cháng A Lộng	TC Lâm sinh K59B - ML	3,33	Giỏi	
266	1359718056	Lù A Lộng	TC Lâm sinh K59B - ML	2,56	Khá	
267	1359718045	Mùa A Mang	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
268	1359718048	Lù A Nênh	TC Lâm sinh K59B - ML	3,22	Giỏi	
269	1359718035	Hàng A Nhỏ	TC Lâm sinh K59B - ML	2,33	Trung bình	
270	1359718041	Lò Văn Ninh	TC Lâm sinh K59B - ML	3,11	Khá	
271	1359718046	Cử A Páo	TC Lâm sinh K59B - ML	2,89	Khá	
272	1359718040	Ly A Páo	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
273	1359718049	Ly A Pênh	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
274	1359718042	Vàng A Pó	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
275	1359718051	Vì Văn Quang	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
276	1359718058	Tồng Văn Quý	TC Lâm sinh K59B - ML	1,44	Yếu	
277	1359718050	Giàng A Sênh	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
278	1359718047	Lường Văn Tăng	TC Lâm sinh K59B - ML	1,89	Yếu	
279	1359718061	Lò Trung Thành	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
280	1359718059	Ấu Văn Thịnh	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
281	1359718065	Lò Văn Thoái	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
282	1359718037	Lù A Tráng	TC Lâm sinh K59B - ML	2,78	Khá	
283	1359718068	Lò Văn Ương	TC Lâm sinh K59B - ML	2,33	Trung bình	
284	1359718067	Quảng Xuân Việt	TC Lâm sinh K59B - ML	2,67	Khá	
285	1359718052	Vì Văn Việt	TC Lâm sinh K59B - ML	3	Khá	
286	1359718087	Đinh Tuấn Anh	TC Lâm sinh K59C - BY	1,78	Yếu	
287	1359718086	Lường Việt Anh	TC Lâm sinh K59C - BY	2,33	Trung bình	
288	1359718085	Đinh Trang Bin	TC Lâm sinh K59C - BY	1,78	Yếu	
289	1359718090	Lò Văn Chung	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
290	1359718071	Cầm Thị Đào	TC Lâm sinh K59C - BY	3	Khá	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
291	1359718077	Đinh Văn Đảo	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
292	1359718102	Hà Anh Điện	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
293	1359718095	Lò Mạnh Đình	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
294	1359718093	Mùa Thị Dờ	TC Lâm sinh K59C - BY	3,11	Khá	
295	1359718080	Mùi Đức Duy	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
296	1359718094	Hạng A Giàng	TC Lâm sinh K59C - BY	3,22	Giỏi	
297	1359718070	Đinh Văn Hiếu	TC Lâm sinh K59C - BY	2,56	Khá	
298	1359718073	Đinh Xuân Hồ	TC Lâm sinh K59C - BY	2,44	Trung bình	
299	1359718078	Lò Thị Hồng	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
300	1359718079	Hoàng Văn Hùng	TC Lâm sinh K59C - BY	2,89	Khá	
301	1359718081	Lò Xuân Hùng	TC Lâm sinh K59C - BY	2,44	Trung bình	
302	1359718084	Đinh Đăng Khôi	TC Lâm sinh K59C - BY	2,56	Khá	
303	1359718103	Đinh Thành Lâm	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
304	1359718104	Giàng Hải Ly	TC Lâm sinh K59C - BY	2,22	Trung bình	
305	1359718089	Thào Thị Minh	TC Lâm sinh K59C - BY	3,78	Xuất sắc	
306	1359718098	Đinh Thị Hoài Na	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
307	1359718099	Hạng A Sênh	TC Lâm sinh K59C - BY	2,67	Khá	
308	1359534008	Lèo Văn Anh	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,91	Khá	
309	1359534017	Lèo Văn Anh	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,73	Khá	
310	1359534014	Lò Tuấn Chương	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	3,18	Khá	
311	1359534036	Lường Tiến Công	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,73	Khá	
312	1359534023	Lèo Văn Đức	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,45	Trung bình	
313	1359534032	Hà Văn Dũng	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
314	1359534026	Lò Thành Duy	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,73	Khá	
315	1359534016	Hà Đức Giang	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
316	1359534019	Lò Trung Hiếu	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,45	Trung bình	
317	1359534006	Lò Tuấn Hùng	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,73	Khá	
318	1359534015	Hà Công Khiêm	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,82	Khá	
319	1359534025	Lò Văn Nghiệp	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,36	Trung bình	
320	1359534012	Mùa Hờ Páo	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	1,09	Yếu	
321	1359534031	Lò Văn Phú	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,09	Trung bình	
322	1359534021	Hà Văn Phúc	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
323	1359534024	Lèo Văn Phúc	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,45	Trung bình	
324	1359534007	Hà Lý Tam	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,36	Trung bình	
325	1359534011	Cầm Văn Thành	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	3	Khá	
326	1359534029	Nguyễn Trung Thành	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,36	Trung bình	
327	1359534022	Lèo Thị Thơ	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,82	Khá	
328	1359534027	Lò Thị Thanh Thủy	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	1,27	Yếu	
329	1359534020	Lò Anh Tuấn	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
330	1359534028	Điền Chính Tuệ	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,91	Khá	
331	1359534030	Lò Văn Tùng	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
332	1359534002	Hoàng Văn Tuyển	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,73	Khá	
333	1359534001	Cà Thị Tuyết	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
334	1359534034	Hoàng Văn Việt	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,36	Trung bình	
335	1359534005	Lò Quang Vinh	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,55	Khá	
336	1359534009	Lò Văn Vinh	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,45	Trung bình	
337	1359534033	Lò Anh Vũ	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	2,91	Khá	
338	1359534018	Hà Văn Đạt	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	
339	1359534004	Mùa A Dơ	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
340	1359534003	Lò Văn Huy	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	
341	1359534010	Lò Công Minh	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	
342	1359534035	Hoàng Trung Tính	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	
343	1359534013	Đào Văn Tình	TC Nghiệp vụ bán hàng K59A - MS	0	Yếu	
344	1359717024	Lường Mai Anh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
345	1359717022	Hoàng Thị Bình	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
346	1359717035	Vàng A Chồng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
347	1359717033	Hoàng Đức Chuyên	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
348	1359717021	Hoàng Duy Cương	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
349	1359717034	Vàng A Dế	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
350	1359717003	Hà Thế Duẩn	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
351	1359717026	Đinh Đức Dực	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
352	1359717020	Lê Quang Dũng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
353	1359717017	Lò Văn Duyên	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
354	1359717019	Hoàng Thị Thúy Hằng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
355	1359717027	Hà Văn Hiện	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
356	1359717018	Bùi Sỹ Hùng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
357	1359717002	Đinh Văn Hưng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
358	1359717009	Hoàng Thu Hương	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3,22	Giỏi	
359	1359717023	Lò Đức Khải	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,44	Trung bình	
360	1359717015	Bạc Cẩm Khanh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,44	Trung bình	
361	1359717007	Hoàng Duy Khánh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,22	Trung bình	
362	1359717011	Lường Ngọc Khuê	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
363	1359717005	Sa Thị Lan	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
364	1359717014	Lò Thị Phương Linh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
365	1359717008	Nguyễn Đức Mạnh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
366	1359717001	Đinh Mạnh Ngọc	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3,56	Giỏi	
367	1359717012	Đinh Thị Yến Nhi	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
368	1359717013	Đinh Anh Quân	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
369	1359717032	Đinh Văn Quân	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,44	Trung bình	
370	1359717029	Vì Văn Quỳnh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,78	Khá	
371	1359717004	Hoàng Thị Sinh	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	3	Khá	
372	1359717028	Thào A Thư	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,33	Trung bình	
373	1359717030	Vì Văn Thuật	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
374	1359717006	Mùi Mạnh Tiến	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2	Trung bình	
375	1359717016	Cầm Phi Trân	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
376	1359717025	Lường Văn Tùng	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
377	1359717010	Hoàng Đình Vũ	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	2,56	Khá	
378	1359717031	Sa Ngọc Diệp	TC Quản lý ĐĐ K59A - PY	0,22	Yếu	
379	1359705026	Vì Văn An	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
380	1359705005	Vàng Bà Anh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,78	Khá	
381	1359705029	Sông A Bi	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	3	Khá	
382	1359705036	Giàng A Chải	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
383	1359705015	Lậu A Chênh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
384	1359705033	Giàng A Chụ	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
385	1359705010	Giàng A Cừ	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
386	1359705016	Giàng A Đông	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,22	Trung bình	
387	1359705003	Lường Văn Duy	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
388	1359705006	Lường Văn Duy	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
389	1359705021	Cà Văn Hà	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
390	1359705031	Giàng A Khai	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
391	1359705032	Giàng A Lê	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
392	1359705002	Lò Văn Long	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,44	Trung bình	
393	1359705024	Lò Văn Lương	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,22	Trung bình	
394	1359705012	Quảng Anh Minh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,22	Trung bình	
395	1359705001	Vì Văn Nam	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
396	1359705019	Lò Văn Ngoãn	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2	Trung bình	
397	1359705008	Giàng A Páo	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	3	Khá	
398	1359705027	Sộng Da Pó	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	3	Khá	
399	1359705028	Lường Văn Quỳnh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2	Trung bình	
400	1359705030	Lù A Si	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
401	1359705020	Hàng A Sử	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	3,11	Khá	
402	1359705013	Sùng A Súa	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
403	1359705007	Vàng Tú Sùng	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
404	1359705022	Lò Văn Thanh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,22	Trung bình	
405	1359705034	Vừ A Thanh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
406	1359705025	Vì Văn Thông	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
407	1359705014	Lò Văn Trọng	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
408	1359705017	Lò Văn Trọng	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	3	Khá	
409	1359705009	Quảng Minh Trọng	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,67	Khá	
410	1359705035	Lò Văn Tuấn	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2	Trung bình	
411	1359705004	Lò Anh Tùng	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,22	Trung bình	
412	1359705023	Lò Văn Tuyền	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2	Trung bình	
413	1359705037	Trương Đình Vinh	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
414	1359705011	Vàng Thị Vựa	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
415	1359705018	Lò Văn Xuân	TC Tin học ứng dụng K59A - SM	2,89	Khá	
416	1359111010	Cà Trí Kiên	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	
417	1359111005	Lò Văn An	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,78	Khá	
418	1359111008	Bạc Cẩm Anh	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,22	Trung bình	
419	1359111021	Lường Văn Bảo	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,11	Trung bình	
420	1359111003	Giàng A Bi	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,44	Trung bình	
421	1359111036	Vì Văn Chung	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2	Trung bình	
422	1359111032	Vừ Thị Cờ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	
423	1359111022	Vì Văn Dân	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	
424	1359111012	Vàng Thị Dạy	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	3	Khá	
425	1359111017	Sộng Thị Dạy	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	3	Khá	
426	1359111004	Vàng A Dơ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,33	Yếu	
427	1359111034	Quảng Đức Duy	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	
428	1359111037	Sộng A Hại	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,78	Khá	
429	1359111002	Mùa Thị Hua	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,67	Khá	
430	1359111030	Giàng A Hùng	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,67	Khá	
431	1359111035	Giàng A Hùng	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,78	Khá	
432	1359111031	Vàng Thị Khu	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	3	Khá	
433	1359111033	Hồ Sộng Lữ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	3	Khá	
434	1359111016	Tòng Văn Lương	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,44	Trung bình	
435	1359111007	Vì Văn May	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,67	Khá	
436	1359111006	Lầu Công Minh	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,11	Trung bình	
437	1359111001	Vì Văn Nam	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
438	1359111015	Lò Văn Nghĩa	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,78	Yếu	
439	1359111027	Sông A Nụ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,89	Yếu	
440	1359111009	Giảng Thị Oanh	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	3	Khá	
441	1359111013	Giảng Thị Dưa Pạ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,89	Khá	
442	1359111029	Giảng A Sái	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,44	Trung bình	
443	1359111019	Vàng A Sơn	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,44	Trung bình	
444	1359111025	Vừ Thị Sông	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,78	Khá	
445	1359111020	Lò Trọng Thân	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,89	Yếu	
446	1359111018	Lò Phương Thảo	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,78	Khá	
447	1359111011	Sông Thị Trư	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,89	Yếu	
448	1359111028	Lành Minh Tú	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,56	Khá	
449	1359111024	Lò Văn Tuấn	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,33	Trung bình	
450	1359111023	Vừ A Vạ	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,56	Khá	
451	1359111026	Lò Thị Vui	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	1,89	Yếu	
452	1359111014	Lò Thị Yển	TC Trồng trọt & BVTV K59A - SM	2,22	Trung bình	
453	1359111057	Hà Tuấn Anh	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,89	Khá	
454	1359111045	Hoàng Thị Quỳnh Anh	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,78	Khá	
455	1359111039	Mùi Sao Băng	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,89	Khá	
456	1359111058	Hoàng Văn Công	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
457	1359111063	Lò Văn Đạt	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,22	Trung bình	
458	1359111072	Quảng Thành Đạt	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
459	1359111052	Đinh Thị Diệp	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	3	Khá	
460	1359111055	Quảng Văn Duy	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,22	Trung bình	
461	1359111049	Lò Thị Hằng	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
462	1359111062	Quảng Văn Hạnh	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
463	1359111065	Lò Quốc Hiệp	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
464	1359111054	Hà Đức Hiếu	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,22	Trung bình	
465	1359111071	Lò Duy Hiếu	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
466	1359111061	Hoàng Văn Huân	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2	Trung bình	
467	1359111070	Lừ Văn Hưng	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
468	1359111048	Quảng Đức Huy	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
469	1359111050	Hoàng Văn Khải	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
470	1359111038	Hoàng Văn Khánh	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
471	1359111066	Lò Mạnh Khởi	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,22	Trung bình	
472	1359111059	Hoàng Bảo Nguyên	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
473	1359111040	Hoàng Tuyết Nhi	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
474	1359111068	Mùa A Ong	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
475	1359111046	Sông A Ông	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,78	Khá	
476	1359111069	Lò Văn Phong	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,22	Trung bình	
477	1359111053	Hoàng Hải Quân	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,56	Khá	
478	1359111044	Vàng Lao Quân	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,78	Khá	
479	1359111043	Vàng Thị Pà Rông	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,78	Khá	
480	1359111042	Hoàng Văn Sâm	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
481	1359111041	Lừ Nguyên Thái	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,89	Khá	
482	1359111064	Lò Văn Thành	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
483	1359111067	Vì Quang Thọ	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2	Trung bình	
484	1359111056	Hoàng Văn Tình	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,44	Trung bình	
485	1359111047	Quảng Văn Tùng	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,67	Khá	
486	1359111051	Lò Văn Tuyền	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,89	Khá	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
487	1359111060	Mùa A Vàng	TC Trồng trọt & BVTV K59B - YC	2,33	Trung bình	
488	1359707027	Cà Văn An	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
489	1359707025	Lò Minh An	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
490	1359707011	Lò Văn Bằng	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
491	1359707030	Lò Văn Bằng	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
492	1359707035	Hàng A Chu	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,11	Trung bình	
493	1359707026	Mùa A Chua	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
494	1359707008	Cà Văn Cường	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
495	1359707022	Quảng Văn Đạt	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,89	Khá	
496	1359707002	Cà Thị Dịu	TC Văn thư hành chính K59A - ML	3	Khá	
497	1359707019	Sùng A Do	TC Văn thư hành chính K59A - ML	1,78	Yếu	
498	1359707034	Lò Văn Du	TC Văn thư hành chính K59A - ML	0,89	Yếu	
499	1359707005	Quảng Văn Dương	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
500	1359707031	Sùng A Hạ	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,44	Trung bình	
501	1359707020	Cầm Văn Hoàng	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
502	1359707004	Lò Quang Huy	TC Văn thư hành chính K59A - ML	0,89	Yếu	
503	1359707009	Tòng Văn Khởi	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,44	Trung bình	
504	1359707014	Lý A Kỳ	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,44	Trung bình	
505	1359707029	Sùng A Lao	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
506	1359707024	Cử A Lâu	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
507	1359707015	Quảng Mạnh Luân	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
508	1359707032	Bạ A Ly	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,67	Khá	
509	1359707003	Hoàng Đức Mạnh	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
510	1359707018	Hàng A Nang	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,22	Trung bình	
511	1359707007	Lò Văn Nguyễn	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,44	Trung bình	
512	1359707012	Tòng Văn Phương	TC Văn thư hành chính K59A - ML	1,78	Yếu	
513	1359707010	Sùng A Su	TC Văn thư hành chính K59A - ML	1,78	Yếu	
514	1359707016	Vàng A Tênh	TC Văn thư hành chính K59A - ML	3	Khá	
515	1359707028	Tòng Văn Thạch	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
516	1359707021	Cà Văn Thiếp	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,44	Trung bình	
517	1359707023	Lò Văn Tính	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2	Trung bình	
518	1359707033	Sùng A Trậu	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,89	Khá	
519	1359707006	Tòng Văn Vó	TC Văn thư hành chính K59A - ML	2,89	Khá	
520	1359707038	Tòng Việt Anh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	
521	1359707055	Lò Văn Bình	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
522	1359707058	Vì Văn Bình	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
523	1359707068	Vừ A Cho	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,56	Khá	
524	1359707040	Thào A Chua	TC Văn thư hành chính K59B - SC	3	Khá	
525	1359707063	Sộng A Chung	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,33	Trung bình	
526	1359707052	Lò Văn Cường	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
527	1359707066	Hà Thị Dánh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,56	Khá	
528	1359707053	Sộng A Daur	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
529	1359707056	Mùa Ka Dinh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,67	Khá	
530	1359707037	Hàng A Dua	TC Văn thư hành chính K59B - SC	3	Khá	
531	1359707046	Tòng Văn Duy	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	
532	1359707043	Lò Văn Hiến	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
533	1359707057	Vì Văn Hoàng	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
534	1359707061	Lò Quốc Huy	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,67	Khá	
535	1359707048	Lò Văn Kiệt	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Điểm TBHK(4) Hiện tại	XH học kì I	Ghi chú
536	1359707049	Vàng A Lau	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
537	1359707041	Lò Văn Linh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	3	Khá	
538	1359707050	Vì Văn Luân	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,89	Khá	
539	1359707039	Giàng Thị Mai	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
540	1359707042	Sộng A Mệnh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,67	Khá	
541	1359707047	Tòng Văn Nam	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,67	Khá	
542	1359707051	Sông Chia Nênh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	
543	1359707054	Vừ Và Pha	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
544	1359707059	Vàng A Phia	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,89	Khá	
545	1359707036	Sộng A Pó	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	
546	1359707045	Lò Văn Việt Quỳnh	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,89	Khá	
547	1359707060	Giàng A Sộng	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,78	Khá	
548	1359707069	Bắc Văn Thành	TC Văn thư hành chính K59B - SC	3	Khá	
549	1359707044	Lò Văn Tiễn	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,44	Trung bình	
550	1359707065	Lò Văn Tuấn	TC Văn thư hành chính K59B - SC	2,89	Khá	
551	1359707062	Lò Văn Việt	TC Văn thư hành chính K59B - SC	3	Khá	

Tổng số: 551 học sinh

Trong đó: Xuất sắc: 01; Giỏi: 14; Khá: 299; Trung bình: 187; Yếu: 50.